

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2016

I. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn tại ITAXA:

1. Vốn chủ sở hữu:

Trong đó: - Vốn góp của chủ sở hữu : 251.116.831.153 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 0 đồng
- Nguồn vốn xây dựng cơ bản : 0 đồng

2. Tổng tài sản: 324.467.727.916 đồng.

3. Lợi nhuận sau thuế: 18.763.322.835 đồng.

4. Hiệu suất sử dụng vốn:

$$\text{- Tỷ suất LN thực hiện trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN thực hiện}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{22.683.191.827}{246.895.083.515} = 9,19\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0919 đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{18.763.322.835}{246.895.083.515} = 7,60\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,076 đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng TS bình quân}} = 100\% \times \frac{18.763.322.835}{316.422.910.778} = 5,93\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng tài sản tạo ra được 0,0593 đồng lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân được xác định như sau:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{245.487.834.302 + 245.487.834.302 + 245.487.834.302 + 251.116.831.153}{4} = 246.895.083.515 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng tài sản bình quân} = \frac{305.221.399.350 + 310.989.683.820 + 325.012.832.025 + 324.467.727.916}{4} = 316.422.910.778 \text{ đồng}$$

II. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại ITAXA:

1. Tình hình đầu tư Dự án (kèm theo Biểu 02.A): không.

2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo Biểu 02.B):

- Việc đầu tư vào Công ty con của ITAXA là Công ty Cổ phần Địa Sinh, Công ty Cổ phần Vi Ấn, Công ty Cổ phần Liên Hợp phù hợp với các quy định của pháp luật.



- Đã hoàn tất việc sáp nhập Công ty Cổ phần Liên Hợp vào Công ty Cổ phần Địa Sinh.

3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không

4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Tình hình quản lý tài sản:

- * Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- * Việc trích khấu hao tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản trong kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * Xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất thực hiện theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * ITAXA đã ban hành quy chế về quản lý nợ ngày 28/3/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu đến ngày 31/12/2016 là: 25.802.516.142 đồng.

Trong đó:

- * *Nợ phải thu khó đòi: 5.878.087.129 đồng.*
- * *Đã trích lập dự phòng: 4.543.486.675 đồng.*
- * *Xử lý nợ khó đòi trong kỳ báo cáo: 896.357.020 đồng*

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

- * Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2016 là: 73.084.186.290 đồng.

Trong đó: Nợ phải trả quá hạn là: 0 đồng

- * Tỷ số khả năng thanh toán nợ:

$$\begin{array}{l} \text{Khả năng thanh toán} \\ \text{Hiện thời} \end{array} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{201.839.644.583}{62.301.700.524} = 3,24$$

$$\begin{array}{l} \text{Khả năng} \\ \text{Thanh toán nhanh} \end{array} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{201.839.644.583 - 6.541.745.878}{62.301.700.524} = 3,13$$

Handwritten signature

* Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = 100\% \times \frac{73.084.186.290}{251.383.541.626} = 29,07\%$$

III. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của ITAXA (kèm theo Biểu 02.C):

1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trang in offset (13x19) cm: năm 2016 đạt 25.812 triệu trang in đạt 97,04% so với kế hoạch, giảm 10,67% so với năm 2015 tương đương 3.084 triệu trang in và giảm 7,66% so với năm 2014 tương đương 2.141 triệu trang in.
2. Chỉ tiêu tài chính:
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2016 là 173.807 triệu đồng đạt 98,2% so với kế hoạch, giảm 6,34% so với năm 2015 tương đương 11.763 triệu đồng, giảm 7,25% so với năm 2014 tương đương 13.590 triệu đồng.
 - Giá vốn hàng bán năm 2016 là 113.164 triệu đồng, giảm 12,88% so với năm 2015 tương đương 16.728 triệu đồng, giảm 16,54% so với năm 2014 tương đương 22.419 triệu đồng.
 - Chi phí bán hàng năm 2016 là 687 triệu đồng, tăng 141,9% so với năm 2015 tương đương 403 triệu đồng, tăng 30,11% so với năm 2014 tương đương 159 triệu đồng.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2016 là 48.050 triệu đồng, tăng 9,98% so với năm 2015 tương đương 4.360 triệu đồng, tăng 16,64% so với năm 2014 tương đương 6.856 triệu đồng.
 - Doanh thu hoạt động tài chính năm 2016 là 7.853 triệu đồng đạt 112,19% so với kế hoạch, giảm 9,41% so với năm 2015 tương đương 816 triệu đồng, giảm 8,79% so với năm 2014 tương đương 757 triệu đồng.
 - Thu nhập khác năm 2016 là 6.492 triệu đồng đạt 108,2% so với kế hoạch, tăng 5,7% so với năm 2015 tương đương 350 triệu đồng, tăng 30% so với năm 2014 tương đương 1.498 triệu đồng.
 - Chi phí khác năm 2016 là 3.568 triệu đồng, tăng 15,39% so với năm 2015 tương đương 476 triệu đồng, tăng 33,63% so với năm 2014 tương đương 898 triệu đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2016 là 22.683 triệu đồng, đạt 100,02% so với kế hoạch, giảm 3,16% so với năm 2015 tương đương 740 triệu đồng, tăng 7,95% so với năm 2014 tương đương 1.670 triệu đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 18.763 triệu đồng, đạt 100,34% so với kế hoạch, giảm 2,45% so với năm 2015 tương đương 471 triệu đồng, tăng 9,22% so với năm 2014 tương đương 1.584 triệu đồng.
3. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).
 - Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu là: 9,19%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là: 7,60%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là: 5,93%
4. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong năm 2016:

- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp.
- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng được việc thanh toán đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn.

IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, tình hình biến động của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty (kèm theo Biểu 02.Đ):

1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:
2. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

V. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật: ITAXA tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật nhà nước bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra theo các nội dung quy định.

VI. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp: Không

VII. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết: đã hoàn tất thủ tục sáp nhập Công ty Cổ phần Liên Hợp vào Công ty Cổ phần Địa Sinh.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



BUI KÊ HÙNG

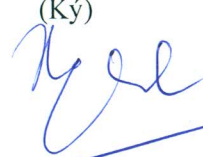
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

T T	Tên dự án	Quyết định phê duyet	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12/2016			Giải ngân đến ngày 31/12/2016			Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2016	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A Các nhóm dự án A																		
1																		
B Các nhóm dự án B																		
1																		
C Các nhóm dự án khác																		

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

Bùi Kế Hùng

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Cty con, Cty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Cty con, cty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016				
		Kế hoạch	Năm 2015	Tại thời điểm 31/12/2016	Kế hoạch	Năm 2015	Tại thời điểm 31/12/2016										
(1)	(2)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16-15/5	17	17
I	Đầu tư vào công ty con																
	- Công ty CP Địa Sinh		5.300	9.500		58,89%	61,69%	15.400	15.320	43.306	47.062	2.004	2.788	0	0,00%	2,59	0,60
	- Công ty CP Vi Ân		13.285	13.285		81,58%	81,58%	12.000	16.285	6.809	7.321	-211	179	0	0,00%	16,88	0,06
	- Công ty CP Liên Hợp		4.200			66,46%											
II	Đầu tư vào công ty liên kết																
III	Đầu tư tài chính khác																



Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu



TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2016

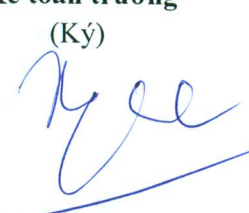
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng, triệu trang

Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Thực hiện năm 2016		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	Năm 2014	Năm 2015	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
A.Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1.Sản lượng sản xuất (trang in offset 13x19cm)	27.953	28.896	26.600	25.812	92,34%	89,33%	97,04%
2.Sản lượng tiêu thụ (trang in offset 13x19cm)	27.953	28.896	26.600	25.812	92,34%	89,33%	97,04%
3.Tồn kho cuối kỳ							
B.Chỉ tiêu tài chính							
1.DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	187.397	185.570	177.000	173.807	92,75%	93,66%	98,20%
2.Giá vốn bán hàng	135.583	129.892		113.164	83,46%	87,12%	
3.LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.814	55.678		60.643	117,04%	108,92%	
4.Doanh thu hoạt động tài chính	8.610	8.669	7.000	7.853	91,21%	90,59%	112,19%
5.Chi phí tài chính	13						
6.Chi phí bán hàng	528	284		687	130,11%	241,90%	
7.Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.194	43.690		48.050	116,64%	109,98%	
8.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.689	20.373		19.759	105,73%	96,99%	
9.Thu nhập khác	4.994	6.142	6.000	6.492	130,00%	105,70%	108,20%
10.Chi phí khác	2.670	3.092		3.568	133,63%	115,39%	
11.Lợi nhuận khác	2.324	3.050		2.924	125,82%	95,87%	
12.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.013	23.423	22.678	22.683	107,95%	96,84%	100,02%
13.Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.833	4.179		3.915	102,14%	93,68%	
14.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1	10		5	500,00%	50,00%	
15.Lợi nhuận sau thuế TNDN	17.179	19.234	18.700	18.763	109,22%	97,55%	100,34%

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

Bùi Kế Hùng

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế	1.502.943.393	21.575.630.848	20.349.649.130	2.728.925.111
- Thuế GTGT	647.362.784	10.097.266.786	10.024.320.117	720.309.453
- Thuế TNDN	73.069.743	3.917.562.652	3.392.563.893	598.068.502
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.077.560	5.077.560	-
- Thuế đất	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	782.510.866	7.555.723.850	6.927.687.560	1.410.547.156
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	2.583.165.428	266.710.473	2.583.165.428	266.710.473

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	-	5.628.996.851	5.628.996.851	-
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	24.513.652.768	12.675.329.307	14.734.150.500	22.454.831.575
3. Quỹ thưởng VCQLDN	324.710.750	295.012.500	258.836.500	360.886.750
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-



Bùi Kế Hùng

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu



Nguyễn Đức Trọng